

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 152/2021/DS-ST
Ngày: 23-12-2021
V/v: *Tranh chấp kiện đòi tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thúy Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Việt Hùng.

Bà Trần Thị Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Côn - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/2021/TLST-TCDS ngày 04 tháng 10 năm 2021 về việc “Tranh chấp kiện đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 151/2021/QĐXXST-TCDS ngày 22 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 86/2021/QĐST-DS ngày 07 tháng 12 năm 2021 giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị A, sinh năm 1977; địa chỉ: Xóm 14, xã H.Q, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1973; địa chỉ: Tổ dân phố số 3, thị trấn Y.Đ, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lương Xuân T, sinh năm 1973; địa chỉ: Xóm 14, xã H.Q, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Bà Ngô Thị A (theo Văn bản ủy quyền ngày 01/10/2021).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21-6-2021 và các lời khai trong quá trình tố tụng,

nguyên đơn Bà Ngô Thị A trình bày:

Do quan hệ tình cảm bạn bè nên Bà Ngô Thị A đã nhiều lần cho Bà Nguyễn Thị H vay tiền để vợ chồng bà H làm ăn kinh doanh, cụ thể:

- Lần 1: Ngày 30-6-2014 cho vay 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).
 - Lần 2: Ngày 14-4-2015 cho vay 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).
 - Lần 3: Ngày 27-4-2015 cho vay 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).
 - Lần 4: Ngày 31-5-2015 cho vay 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng).
 - Lần 5: Ngày 30-7-2015 cho vay 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).
 - Lần 6: Ngày 20-8-2015 cho vay 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).
- Tổng cộng là 570.000.000 đồng (Năm trăm bảy mươi triệu đồng).

Khi vay tiền các bên tự thỏa thuận lãi với nhau. Nhưng từ cuối 2015 đến nay bà H không trả lãi xuất cho ông T, bà A. Khi vay bà H hỏi ông T, bà A với thời hạn ngắn có lần 10 ngày, có lần 1 tháng và có lần 3 tháng. Tuy nhiên khi hết thời hạn vay thì bà H hứa sẽ thu xếp trả cả gốc và lãi cho bà A, ông T nhưng đến cuối năm 2015 khi thấy bà H không trả được tiền, bà A đòi nợ nhiều lần nhưng bà H không trả và sau đó thì không liên lạc được với bà H nữa.

Nay Bà Ngô Thị A khởi kiện yêu cầu Bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm trả cho bà A, ông T số tiền gốc nợ gốc là 570.000.000 đồng (Năm trăm bảy mươi triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn là Bà Nguyễn Thị H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các Văn bản tố tụng, triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn, do đó Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tại phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo pháp luật tố tụng dân sự; Bị đơn bà H mặc dù đã được thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án bằng các hình thức tổng đạt niêm yết công khai văn bản tố tụng tại địa chỉ cư trú, thông báo tìm kiếm trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; bị đơn không hợp tác làm việc với Tòa án, chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; chấp nhận yêu cầu của Bà Ngô Thị A; buộc Bà Nguyễn

Thị H phải trả cho vợ chồng Ông Lương Xuân T, Bà Ngô Thị A số tiền nợ gốc là 570.000.000 đồng (Năm trăm bảy mươi triệu đồng).

Các vấn đề khác đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Ngô Thị A khởi kiện yêu cầu Bà Nguyễn Thị H trả nợ tiền vay; đây là quan hệ tranh chấp kiện đòi tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại tổ dân phố số 4, thị trấn Y.Đ, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật: Hợp đồng vay tiền giữa các bên được xác lập từ năm 2014 và đây là hợp đồng vay tài sản có thời hạn ngắn hạn, hợp đồng cuối cùng kết thúc tháng 8 năm 2015 khi mà bộ luật dân sự 2015 chưa có hiệu lực pháp luật nên áp dụng Bộ luật dân sự 2005 để giải quyết. Về thời hiệu khởi kiện của hợp đồng vay tài sản để các bên thực hiện quyền và nghĩa vụ đã kết thúc, nên theo quy định của pháp luật xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp kiện đòi tài sản vì vậy về quyền và nghĩa vụ các bên phải trả cho nhau những gì đã nhận.

[3] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ông Lương Xuân T ủy quyền toàn bộ cho nguyên đơn là Bà Ngô Thị A tham gia giải quyết vụ án; nguyên đơn Bà Ngô Thị A có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn là Bà Nguyễn Thị H đã được Tòa án thông báo hợp lệ lịch tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do, nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về yêu cầu đòi nợ của nguyên đơn:

[4.1] Về số nợ gốc: Nguyên đơn khai nhận do quan hệ bạn bè thân thiết nên đã cho bà H vay nợ nhiều lần, đến nay số tiền nợ gốc còn lại là 570.000.000đ (Năm trăm bảy mươi triệu đồng). Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu của mình là bản gốc các giấy biên nhận ghi: Ngày 30-6-2014 cho vay 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng); ngày 14-4-2015 cho vay 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng); ngày 27-4-2015 cho vay 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng); ngày 31-5-2015 cho vay 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng); ngày 30-7-2015 cho vay 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng); ngày 20-8-2015 cho vay 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Các giấy biên nhận đều có chữ ký ghi tên người vay là Nguyễn Thị Hồng, CMTND 01673325979 có địa chỉ thường trú: Khu (Tổ dân phố) số 3, thị trấn Y.Đ, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Bị đơn mặc dù đã được thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án bằng các hình thức tổng đạt

niêm yết công khai văn bản tố tụng tại địa chỉ cư trú, thông báo tìm kiếm trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Căn cứ Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án căn cứ vào các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án.

[4.2] Theo các giấy biên nhận vay tiền do chị Ngô Thị A cung cấp là các bản gốc viết tay thể hiện người vay tiền vợ là Bà Nguyễn Thị H, chồng ông Hoàng Thanh Vân có địa chỉ thường trú tại Tổ dân phố số 3, thị trấn Y.Đ đã vay tiền của anh Lương Xuân Trường, chị Ngô Thị A nhiều lần với tổng số tiền gốc 570.000.000 đồng (Năm trăm bảy mươi triệu đồng). Tuy nhiên phần ký nhận người vay chỉ có Bà Nguyễn Thị H ký nhận người vay nợ. Phía nguyên đơn bà A, ông T trong đơn khởi kiện chỉ yêu cầu bà H có trách nhiệm trả nợ khoản vay. Như vậy có cơ sở xác định giữa vợ chồng ông T, bà A và Bà Nguyễn Thị H đã có giao dịch vay tài sản có xác định thời hạn theo quy định tại Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự 2005. Vợ chồng nguyên đơn khai đã đòi nợ nhiều lần nhưng Bà Nguyễn Thị H không trả nợ và đã bỏ đi khỏi nơi cư trú; giấu số điện thoại không liên lạc với ông T, bà A để giải quyết việc vay nợ. Vì vậy cần buộc bà H có trách nhiệm trả nợ số tiền gốc 570.000.000đ cho bà A, ông T là có cơ sở. Do giao dịch này được thiết lập xong trước ngày Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực pháp luật nên xét yêu cầu khởi kiện đòi tài Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự 2005 và Điều 688 Bộ luật dân sự 2015 là phù hợp pháp luật.

[4.3] Về tiền lãi: Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Bị đơn có nghĩa vụ trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự 2005 và Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Ngô Thị A về việc kiện đòi nợ đối với Bà Nguyễn Thị H.

Buộc Bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ trả cho Ông Lương Xuân T, Bà Ngô Thị A số tiền nợ gốc là 570.000.000đ (Năm trăm bảy mươi triệu đồng).

Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Bà Nguyễn Thị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 26.800.000đ (Hai mươi sáu triệu tám trăm nghìn đồng).

- Trả lại Bà Ngô Thị A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.000.000đ (Tám triệu đồng) theo Biên lai thu số 0005954 ngày 04-10-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự: 03 bản;
- TAND tỉnh Nam Định: 01 bản;
- VKSND huyện Hải Hậu: 02 bản;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu: 01 bản;
- UBND thị trấn Y.Đ;
- Hồ sơ vụ án: 01 bản;
- Lưu văn phòng: 01 bản.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thúy Nga